

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/KDTM-ST.

Ngày: 12-11-2019.

V/v: “*Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm;

2. Ông Võ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2019/TLST - KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N và P Việt Nam. Địa chỉ: Số M đường THD, huyện TL, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần P, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N và P chi nhánh HA, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã HA, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên LT (Công ty TNHH MTV LT).

Địa chỉ: Thôn MB, xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trịnh Văn T, sinh năm 1980,

chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn MB, xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông P trình bày: Công ty TNHH MTV LT (sau đây viết là công ty LT) đã ký kết với Ngân hàng N và P Việt Nam - chi nhánh HA (sau đây viết là ngân hàng) hai hợp đồng tín dụng, cụ thể:

1. Ngày 16-4-2015 ký Hợp đồng tín dụng số 12/QP/HĐTD: Vay số tiền 800.000.000 đồng; mục đích vay: Kinh doanh vận tải hàng hóa; lãi suất vay 10%/năm; thời hạn vay 48 tháng; trả nợ gốc theo phân kỳ 06 tháng và nợ lãi theo phân kỳ trả nợ gốc. Khoản vay được đảm bảo bởi Hợp đồng thế chấp tài sản số 12/QP/HĐTC ngày 16-4-2015. Tài sản thế chấp gồm:

01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, số loại 118765D, số máy 0E37E3F00176, số khung 808DF1A00531, biển kiểm soát số 92C-063.31, tên chủ xe: Công ty TNHH MTV LT theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003758 cấp ngày 14/4/2015.

01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, số loại 118765D, số máy 0E37E3F00204, số khung 808DF1A00548, biển kiểm soát số 92C-061.61, tên chủ xe: Công ty TNHH MTV LT theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003755 cấp ngày 14/4/2015.

01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, số loại 118765D, số máy 0E37E3F00207, số khung 808DF1A00545, biển kiểm soát số 92C-063.75, tên chủ xe: Công ty TNHH MTV LT theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003760 cấp ngày 14/4/2015.

2. Ngày 15-9-2017, ký Hợp đồng tín dụng số 65/QP/HĐTD: Vay số tiền 600.000.000 đồng; mục đích vay: Kinh doanh vận tải hàng hóa; lãi suất vay 9.5%/năm; thời hạn vay 48 tháng; trả nợ gốc theo phân kỳ 06 tháng và nợ lãi theo phân kỳ trả nợ gốc. Khoản vay được đảm bảo bởi hợp đồng thế chấp tài sản số 65/QP/HĐTC ngày 15-9-2017. Tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, số loại T290132D, số máy 160117008967, số khung 313DG1A00083, biển kiểm soát số 92C-108.76, tên chủ xe: Công ty TNHH MTV LT theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018306 cấp ngày 11/9/2017.

Tính đến ngày xét xử, Công ty LT còn nợ là: Hợp đồng tín dụng số 12/QP/HĐTD, nợ gốc 10.000.000 đồng, nợ lãi 308.333 đồng. Hợp đồng tín dụng số 65/QP/HĐTD, nợ gốc 476.230.000 đồng, nợ lãi 82.368.729 đồng. Tổng cộng 568.907.062 đồng, trong đó nợ gốc là 486.230.000 đồng, nợ lãi 82.677.062 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và thông báo bằng văn bản nhưng Công ty LT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc công ty LT thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Tổng cộng 568.907.062 đồng, trong đó nợ gốc là 486.230.000 đồng, nợ lãi 82.677.062 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu công ty LT không trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, số loại 118765D, số máy 0E37E3F00176, số khung 808DF1A00531, biển kiểm soát số 92C-063.31, tên chủ xe: Công ty TNHH MTV LT theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003758 cấp ngày 14-4-2015.

01 xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, số loại T290132D, số máy 160117008967, số khung 313DG1A00083, biển kiểm soát số 92C-108.76, tên chủ xe: Công ty TNHH MTV LT theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018306 cấp ngày 11-9-2017.

Đối với hai xe ô tô tải kiểm soát số 92C-061.61 và biển kiểm soát số 92C-063.75 thì ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp vì ngân hàng và đại diện công ty LT đã thỏa thuận xử lý xong. Ông P không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đại diện theo pháp luật của công ty LT. Tuy nhiên, đại diện theo pháp luật của công ty LT vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty LT có địa chỉ tại thôn MB, xã QP, huyện QS và hợp đồng tín dụng được ký kết tại xã Hương An, huyện Quế Sơn. Nay, ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 30, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của công ty LT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hiệu lực của các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản: Việc ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa công ty LT với Ngân hàng là tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên tham gia ký kết có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng tín dụng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp đã thực hiện thủ tục công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo

đúng quy định của pháp luật nên các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp lực.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện: Theo hợp đồng tín dụng số 12/QP/HĐTD thì việc trả nợ gốc, nợ lãi được chia thành 08 phân kỳ, mỗi phân kỳ trả số nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh; phân kỳ trả nợ cuối cùng là vào ngày 21-4-2019. Tuy nhiên tính đến ngày 12-11-2019, công ty LT vẫn còn dư nợ là 10.000.000 đồng, nợ lãi 308.333 đồng. Theo hợp đồng tín dụng 65/QP/HĐTD thì việc trả nợ gốc, nợ lãi được chia thành 08 phân kỳ, mỗi phân kỳ trả số nợ gốc là 75.000.000 đồng và lãi phát sinh; phân kỳ trả nợ cuối cùng là vào ngày 18-9-2021. Tuy nhiên tính đến ngày 12-11-2019, công ty LT chỉ trả nợ phân kỳ đầu tiên, vẫn còn dư nợ là nợ gốc 476.230.000 đồng, nợ lãi 82.368.729 đồng.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty LT đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đến nay, hợp đồng tín dụng số 12/QP/HĐTD đã quá hạn và hợp đồng tín dụng 65/QP/HĐTD thì bị vi phạm thời hạn trả nợ gốc, nợ lãi. Ngân hàng đã thông báo và nhiều lần làm việc nhưng công ty LT vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do công ty LT vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng yêu cầu công ty LT phải trả nợ gốc, nợ lãi và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc công ty LT có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 568.907.062 đồng, trong đó nợ gốc là 486.230.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 12-11-2019 là 82.677.062 đồng; công ty LT tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng; nếu công ty LT không thanh toán số nợ trên thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty LT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 299, 323, 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N và P Việt Nam đối với Công ty TNHH MTV LT về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

1. Buộc Công ty TNHH MTV LT có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N và P Việt Nam tổng số tiền là 568.907.062 đồng, trong đó nợ gốc là 486.230.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 12-11-2019 là 82.677.062 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Công ty TNHH MTV LT không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng N và P Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, số loại 118765D, số máy 0E37E3F00176, số khung 808DF1A00531, biển kiểm soát số 92C-063.31, tên chủ xe: Công ty TNHH MTV LT theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003758 cấp ngày 14/4/2015.

01 xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, số loại T290132D, số máy 160117008967, số khung 313DG1A00083, biển kiểm soát số 92C-108.76, tên chủ xe: Công ty TNHH MTV LT theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018306 cấp ngày 11/9/2017.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV LT phải chịu là 26.756.282 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng N và P Việt Nam - chi nhánh HA, huyện QS, tỉnh Quảng Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.305.666 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007071 ngày 07-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12-11-2019), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ